

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 06- 4 - 2022.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Nguyễn Hồng Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Yến Th, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2021 và chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Trần Thị Yến Th trình bày: Bà Trần Thị Yến Th và ông Lê Minh T kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn bà Th và ông T chung sống hạnh phúc được 08 năm, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên bà Th và ông T không còn sống chung từ năm 2021 đến nay. Bà Th xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn. Do đó, bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Minh T.

- Về con chung: Bà Trần Thị Yến Th và ông Lê Minh T có 02 người con chung tên Lê Như N, sinh ngày 23/7/2014 và Lê Trần Tú A, sinh ngày 13/02/2020. Con chung hiện nay đang sống với bà Th. Khi ly hôn, bà Th yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 người con chung đến đủ 18 tuổi. Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Minh T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Lê Minh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông T không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Lê Minh T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Yến Th; Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Yến Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Lê Như N, sinh ngày 23/7/2014 và Lê Trần Tú A, sinh ngày 13/02/2020 đến đủ 18 tuổi. Ông Lê Minh T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Yến Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Yến Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Lê Minh T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều

227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về nội Dung:

[2] Bà Trần Thị Yến Th và ông Lê Minh T kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G , huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68 ngày 03/12/2019. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Yến Th và ông Lê Minh T là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho ông T về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 198/TB-TLVA ngày 14/12/2021, nhưng ông T vẫn không liên hệ đến tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Th. Nay bà Th yêu cầu ly hôn với ông T, vì từ năm 2021 đến nay bà Th và ông T không còn chung sống, không còn quan tâm nhau. Xét thấy, bà Th và ông T không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa bà Trần Thị Yến Th và ông Lê Minh T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Yến Th.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Trần Thị Yến Th và ông Lê Minh T có 02 người con chung tên Lê Như N, sinh ngày 23/7/2014 và Lê Trần Tú A, sinh ngày 13/02/2020, hiện nay con chung đang sống với bà Th. Khi ly hôn, bà Th yêu cầu được quyền nuôi 02 người con đến đủ 18 tuổi. Xét thấy, khi bà Th và ông T không còn sống chung từ năm 2021 đến nay thì 02 người con vẫn do bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Hơn nữa, cháu Lê Trần Tú A, sinh ngày 13/02/2020 chưa đủ 36 tháng tuổi và căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cho bà Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung đến đủ 18 tuổi.

Ông Lê Minh T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Yến Th không yêu cầu ông Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Yến Th phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009812 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà Th đã thực hiện xong.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 3 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Yến Th được quyền ly hôn với ông Lê Minh T.

- Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Yến Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Lê Như N, sinh ngày 23/7/2014 và Lê Trần Tú A, sinh ngày 13/02/2020 đến đủ 18 tuổi.

Ông Lê Minh T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Yến Th không yêu cầu ông Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Trần Thị Yến Th phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009812 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà Th đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã G ;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ